

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày

tháng 11 năm 2023

**BẢN TIN PHÁP LUẬT**  
**(Tuần 45)**

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

**I. Những chính sách mới nổi bật có hiệu lực từ đầu tháng 11/2023**

**1. Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá:**

Ngày 26/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, có hiệu lực từ ngày 10/11/2023.

- Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.

- Chế độ trang bị:

+ Trường hợp mua mới xe ô tô, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại, giá mua xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2023/NĐ-CP theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

+ Trường hợp trang bị theo hình thức giao, điều chuyển xe ô tô, cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định việc giao, điều chuyển xe ô tô để trang bị cho các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2023/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục giao, điều chuyển xe ô tô thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

*Xem thêm Nghị định 72/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/11/2023 thay thế Nghị định 04/2019/NĐ-CP.*

**2. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành NN&PTNT:**

Ngày 12/9/2023, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư 06/2023/TT-BNNPTNT hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, có hiệu lực từ ngày 01/11/2023.

- Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định 62/2020/NĐ-CP.

- Gắn với tiêu chuẩn ngạch công chức, đảm bảo nguyên tắc một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Mỗi vị trí việc làm có tên gọi, các công việc và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc, các mối quan hệ trong công việc, phạm vi và quyền hạn, các yêu cầu về phẩm chất cá nhân, trình độ, năng lực.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật chuyên ngành.  
*Xem thêm Thông tư 06/2023/TT-BNNPTNT có hiệu lực từ ngày 01/11/2023.*

### **3. Nội dung chương trình phát triển đô thị tỉnh từ ngày 10/11/2023:**

Nội dung chương trình phát triển đô thị tỉnh là nội dung tại Thông tư 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, có hiệu lực từ ngày 10/11/2023. Theo đó, nội dung chương trình phát triển đô thị tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3a Nghị định 11/2013/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi chung là Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị) và các quy định chi tiết sau đây:

- Chỉ tiêu phát triển đô thị quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3a Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị gồm:

- + Tỷ lệ đô thị hóa;
- + Số lượng đô thị, danh mục đô thị, đô thị dự kiến điều chỉnh địa giới hành chính và đô thị dự kiến thành lập mới theo phân loại đô thị;
- + Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh;
- + Các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh khác liên quan đến phát triển đô thị theo yêu cầu của địa phương.

- Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3a Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị gồm:

+ Một hoặc một số chương trình, đề án cấp quốc gia có liên quan (nếu có) và cấp tỉnh đang triển khai hoặc đề xuất mới về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh hoặc các chương trình, đề án cấp quốc gia, cấp tỉnh khác để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển bền vững hệ thống đô thị của tỉnh;

+ Dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí tổng thể và trong khung thời gian của chương trình, giai đoạn thực hiện, cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các chương trình, đề án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư 06/2023/TT-BXD.

- Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3a Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn 5 năm và 10 năm gồm:

+ Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác đã được xác định trong quy hoạch tỉnh;

+ Các dự án đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên và các dự án khác thuộc thẩm quyền đầu tư cấp tỉnh để thực hiện phương án phát triển hệ thống đô thị của tỉnh;

+ Các dự án thực hiện chương trình, đề án trọng tâm quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 06/2023/TT-BXD (nếu có).

Xem thêm Thông tư 06/2023/TT-BXD có hiệu lực từ ngày 10/11/2023, các Thông tư sau đây hết hiệu lực từ ngày 10/11/2023: Thông tư liên tịch 20/2013/TTLT-BXD-BNV; Thông tư 12/2014/TT-BXD.

#### **4. Tổ chức bộ máy của Cục Dân số thuộc Bộ Y tế:**

Đây là nội dung tại Quyết định 3919/QĐ-BYT năm 2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế do Bộ Y tế ban hành, có hiệu lực từ ngày 10/11/2023. Theo đó, tổ chức bộ máy của Cục Dân số thuộc Bộ Y tế gồm:

- Phòng Quy mô dân số và Kế hoạch hóa gia đình;
- Phòng Cơ cấu và Chất lượng dân số;
- Phòng Sức khỏe người cao tuổi;
- Phòng Truyền thông - Giáo dục;
- Phòng Tổ chức cán bộ và Hợp tác quốc tế;
- Phòng Pháp chế - Thanh tra;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng Cục.

- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục:

+ Trung tâm Nghiên cứu, Thông tin và Dữ liệu;

+ Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng và Cung ứng dịch vụ dân số.

Xem thêm Quyết định 3919/QĐ-BYT có hiệu lực từ ngày 10/11/2023.

5. Thông tư 17/2023/TT-BYT sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành có hiệu lực từ ngày 09/11/2023.

6. Thông tư 19/2023/TT-BKHCN hướng dẫn Nghị định 107/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, được sửa đổi tại Nghị định 126/2021/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành có hiệu lực từ ngày 05/11/2023 thay thế Thông tư 27/2014/TT-BKHCN.

7. Thông tư 25/2023/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 11/2021/TT-BGTVT hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành có hiệu lực từ 01/11/2023.

8. Thông tư 05/2023/TT-BNNPTNT bãi bỏ một số Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lĩnh vực thủy sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành có hiệu lực từ ngày 01/11/2023.

9. Thông tư 04/2023/TT-BGTVT 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về linh kiện, thiết bị của phương tiện giao thông đường sắt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành có hiệu lực từ ngày 01/11/2023.

## **II. Những chính sách mới ban hành**

### **1. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong CQHC nhà nước trực thuộc BHXH Việt Nam:**

Ngày 25/10/2023, BHXH Việt Nam ban hành Công văn 3476/BHXH-TCCB về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, nhằm thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện 968/CĐ-TTg yêu cầu các Bộ ngành, địa phương tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam yêu cầu:

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH tỉnh quán triệt và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Công điện 968/CD-TTg trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; Đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của CC,VC trong cơ quan, đơn vị trong xử lý công việc.

- Thủ trưởng đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung sau đây:

+ Trực tiếp, chủ động, tích cực tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả những nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan cấp trên các cấp hành chính giao, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất;

+ Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền theo sát tình hình thực tế; cá thể hóa trách nhiệm cá nhân trong từng khâu của quy trình xử lý công việc, bảo đảm các công việc thuộc thẩm quyền phải được xử lý nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

+ Trong quá trình phối hợp để giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, chỉ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trực tiếp đến nội dung công việc đang phụ trách, xử lý..., không lấy ý kiến phối hợp của cơ quan không liên quan hoặc không cần thiết

+ Tổ chức quán triệt sâu rộng và thực hiện có hiệu quả Nghị định 73/2023/NĐ-CP quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

+ Quyết tâm, quyết liệt giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị kịp thời, hiệu quả, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, thuận tiện;

+ Phát huy hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; chủ động, tích cực tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết triệt để, dứt điểm các phản ánh, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng, hiên kể của người dân, doanh nghiệp;

- Vụ Tổ chức cán bộ chủ động tham mưu, rà soát, thể chế hóa, cụ thể hóa quy định về quản lý công chức, viên chức, người lao động

- Văn phòng BHXH Việt Nam chủ động, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trong Ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BHXH Việt Nam giao

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH các tỉnh tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc Công điện 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ được giao tại Công văn 3476/BHXH-TCCB năm 2023.

*Xem chi tiết tại Công văn 3476/BHXH-TCCB ngày 25/10/2023.*

## **2. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu:**

Ngày 26/10/2023, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định 1105/QĐ-BXD công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng. Trong đó quy định thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu. Theo đó, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu đối với trường hợp lần đầu được cấp chứng chỉ hoặc bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng chưa có trong chứng chỉ được thực hiện như sau:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Cá nhân nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (bộ phận một cửa) của Bộ Xây dựng.

- Bước 2: Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

+ Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu trường hợp đã có kết quả sát hạch đạt thì cơ quan chuyên môn cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu.

+ Đối với trường hợp chưa có kết quả sát hạch thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ phải tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Theo đó, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo kết quả xét hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, danh sách, địa điểm sát hạch trước thời gian tổ chức sát hạch ít nhất 03 ngày làm việc.

Cá nhân được xem là có kết quả đạt nếu như có kết quả sát hạch phần kiến thức pháp luật tối thiểu 16 điểm và tổng điểm từ 80 điểm trở lên.

Trong vòng 20 ngày kể từ ngày có kết quả sát hạch đạt yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp chứng chỉ hành nghề.

- Bước 3: Đăng tải thông tin

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ có trách nhiệm đăng tải thông tin về cá nhân lên trang thông tin điện tử do mình quản lý, đồng thời gửi thông tin đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng để tích hợp trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng thực hiện tích hợp trên trang Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

*Quyết định 1105/QĐ-BXD có hiệu lực từ ngày 26/10/2023.*

### **3. Phê duyệt Đề án Cảnh báo sớm sạt lở, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam:**

Ngày 27/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1262/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam. Theo đó, nội dung thực hiện Đề án Cảnh báo sớm sạt lở, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam như sau:

- Rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy trình, quy định kỹ thuật phục vụ triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phân vùng và cảnh báo sớm thiên tai sạt lở đất, lũ quét.

- Điều tra, xây dựng bộ dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng phục vụ lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét.

- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ trung bình và tỷ lệ lớn.

- Thiết lập và duy trì vận hành hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; nâng cao năng lực cộng đồng trong truyền thông và sử dụng thông tin cảnh báo sớm.

Sản phẩm chính của Đề án Cảnh báo sớm sạt lở, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam

- Hệ thống các văn bản pháp lý phục vụ triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phân vùng và cảnh báo sớm thiên tai sạt lở đất, lũ quét.

- Bản đồ phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:50.000 hiển thị trên nền thông tin địa lý tỷ lệ 1:25.000 cho 15 tỉnh: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai.

- Bản đồ phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn tại 1.500 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét cho 37 tỉnh, thành phố.

- Hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét cho 37 tỉnh, thành phố liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương.

- Các tài liệu hướng dẫn nâng cao năng lực truyền thông cho cộng đồng trong sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét.

Sản phẩm của Đề án được chuyển giao đến các cấp chính quyền và người dân ở các vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, lũ quét nhằm nâng cao năng lực truyền thông, sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét trong cộng đồng, giảm nhẹ thiệt hại do sạt lở đất, lũ quét gây ra.

*Xem chi tiết tại Quyết định 1262/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 27/10/2023.*

#### **4. Đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia:**

Ngày 30/10/2023, Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 175/NQ-CP để phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, trong đó có đề cập về các đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia. Theo đó, các đối tượng sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia trong Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm:

(i) Đối với các bộ, ban, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội:

Các hệ thống sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm:

- Kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở được đồng bộ từ kho dữ liệu tổng hợp tại vùng chuyên dụng.

- Các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Các hệ thống của cơ quan, tổ chức khối Đảng, Quốc hội, tổ chức chính trị - xã hội.

- Các hệ thống của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cơ quan nhà nước có nhu cầu sử dụng hạ tầng nhà trạm, hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

(ii) Đối với người dân và doanh nghiệp Người dân và doanh nghiệp:

Thực hiện cung cấp và khai thác dữ liệu thông tin của mình và dữ liệu trong kho dữ liệu mở tại vùng dùng chung của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật

Các giải pháp về cơ chế và chính sách trong Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Thực hiện ngay các công việc tổng hợp đưa vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh để bảo đảm cơ sở pháp lý triển khai Đề án (Nhóm nhiệm vụ xây dựng hoàn thiện cơ sở pháp lý).

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để triển khai sớm việc thu hút nhân sự, đặc biệt là các chuyên gia trình độ cao, phục vụ quá trình triển khai Đề án ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Đẩy nhanh việc hoàn thiện và triển khai các Dự án thành phần thuộc Đề án. Tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng các dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Rà soát, cập nhật thường xuyên các quy định về vận hành, khai thác, sử dụng dịch vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia về việc cập nhật, dòng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Trung tâm dữ liệu quốc gia bảo đảm cầu: đúng, đủ, sạch, sống và các quy định về bảo đảm an toàn thông tin.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia để phục vụ quá trình phát triển kinh tế- xã hội.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

*Chi tiết xem thêm tại Nghị quyết 175/NQ-CP ngày 30/10/2023.*

### **5. Chính sách cho người tham gia chống dịch khi Covid-19 thành bệnh truyền nhiễm nhóm B:**

Ngày 29/10/2023, Bộ Y tế ban hành Công văn 6922/BYT-KHTC về việc hướng dẫn thanh toán chi phí điều trị cho người bệnh mắc COVID-19 và chế độ chính sách cho người tham gia chống dịch COVID-19. Theo đó, để đảm bảo sự đồng bộ trong việc thực hiện các chính sách, biện pháp phòng, chống dịch khi chuyển từ nhóm A sang nhóm B, Bộ Y tế đề nghị thực hiện một số nội dung sau:

Người bệnh COVID-19 không được khám bệnh miễn phí từ ngày 20/10/2023

Việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn, sinh hoạt phí đối với người bệnh COVID-19 kể từ ngày 20/10/2023:

(1) Đối với người có thẻ BHYT thanh toán theo quy định của pháp luật về BHYT; người không có thẻ BHYT tự thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

(2) Đối với chi phí tiền ăn, sinh hoạt phí thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm nhóm B.

Đối với người bệnh vào viện trước ngày 20/10/2023 và ra viện sau ngày 20/10/2023

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh COVID-19:

+ Trước ngày 20/10/2023 thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định 29/2022/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết 12/2021/UBTVQH15 về việc cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách trong lĩnh vực y tế để phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19.

- Kể từ ngày 20/10/2023 thực hiện theo hướng dẫn tại mục (1) nêu trên.

- Chi phí tiền ăn, sinh hoạt phí đối với người bệnh COVID-19:

- Trước ngày 20/10/2023 thực hiện theo hướng dẫn của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm nhóm A (thực hiện theo Nghị quyết 16/NQ-CP năm 2021).

- Kể từ ngày 20/10/2023 thực hiện theo hướng dẫn tại mục (2) nêu trên.

Chế độ chính sách cho người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 thuộc nhóm B

Các chế độ chính sách cho người tham gia phòng, chống dịch COVID-19 thuộc nhóm B được thực hiện theo Quyết định 73/2011/QĐ-TTg về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch kể từ ngày 20/10/2023.

*Xem thêm Công văn 6922/BYT-KHTC ban hành ngày 29/10/2023.*

## **6. Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Công Thương đến năm 2030:**

Ngày 30/10/2023, Bộ Công Thương ban hành Quyết định 2795/QĐ-BCT về Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành Công Thương đến năm 2030. Theo đó, chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự phát triển của ngành Công Thương đến năm 2030 có các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thiết thực, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn và yêu cầu phát triển ngành Công Thương.

- Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ ngành Công Thương trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

- Định hướng trọng tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển ngành Công Thương

Mục tiêu của Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Công Thương đến năm 2030

Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự phát triển của ngành Công Thương có các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 như sau:

- Nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng chung của ngành, lĩnh vực công nghiệp và thương mại thông qua các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, làm chủ và nội địa hóa công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực tổ chức, quản trị doanh nghiệp; góp phần xứng đáng vào việc thực hiện các mục tiêu chung của toàn ngành Công Thương đến năm 2030:

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 8,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5%/năm.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng phục vụ phát triển công nghiệp, trọng tâm là các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần dịch chuyển cơ cấu nội ngành lên các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản xuất; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mới, công nghiệp công nghệ cao; đóng góp thiết thực vào việc thực hiện các mục tiêu đến năm 2030:

Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP và tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đảm bảo cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách phù hợp phục vụ phát triển thương mại trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; thúc đẩy ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong các hoạt động thương mại, quản lý thị trường; phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình kinh doanh mới; góp phần tích cực thực hiện mục tiêu tăng trưởng doanh số thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng (Business to Customer - B2C) bình quân từ 20 - 25%/năm.

- Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn và có kết quả được ứng dụng vào thực tiễn đạt trên 90%; tối thiểu 50% kết quả nghiên cứu có khả năng chuyển giao cho doanh nghiệp, phục vụ sản xuất, kinh

doanh; ít nhất 30% kết quả nghiên cứu được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; 15% nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia đào tạo sau đại học.

- Các tổ chức khoa học và công nghệ ngành Công Thương được nâng cao về năng lực nghiên cứu, trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phần đầu có khoảng 10 phòng thí nghiệm, thử nghiệm chuyên ngành có cơ sở vật chất, thiết bị nghiên cứu hiện đại, đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; khoảng 10 đơn vị nghiên cứu khoa học và công nghệ có cơ sở sản xuất thực nghiệm, trung tâm tư vấn, chuyển giao công nghệ hoặc hình thành công ty khởi nghiệp trực thuộc để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu; tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có trình độ sau đại học ở các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong ngành Công Thương đạt tối thiểu 50%, trong đó phần đầu tiến sĩ chiếm trên 10%.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong ngành Công Thương theo hướng đồng bộ, đầy đủ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp các cam kết quốc tế; góp phần khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa Việt Nam; tỷ lệ hài hòa của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong ngành Công Thương với tiêu chuẩn quốc tế đạt trên 70%.

- Hỗ trợ được ít nhất 200 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến là kết quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào quản trị, sản xuất, kinh doanh, đem lại hiệu quả tích cực trong hoạt động (thể hiện bằng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, tạo việc làm và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động,...).

*Xem thêm tại Quyết định 2795/QĐ-BCT có hiệu lực ngày 30/10/2023.*

## **7. Vị trí việc làm lãnh đạo, chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL ngành xây dựng từ 05/12/2023:**

Ngày 20/10/2023, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 10/2023/TT-BXD hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng. 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng gồm:

- Vị trí việc làm Hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng

- + Chủ tịch Hội đồng quản lý.
- + Thành viên Hội đồng quản lý.

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng

- + Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ.
- + Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
- + Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.
- + Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

10 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong ĐVSNCL ngành xây dựng

10 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng gồm:

- Kiến trúc sư hạng I
- Kiến trúc sư hạng II
- Kiến trúc sư hạng III

- Thảm kế viên hạng I
- Thảm kế viên hạng II
- Thảm kế viên hạng III
- Thảm kế viên hạng IV
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng I
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng II
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng III

Nguyên tắc xác định vị trí việc làm lãnh đạo, chức danh nghề nghiệp trong DVSNCL ngành xây dựng

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và của pháp luật về vị trí việc làm, số lượng người làm việc và tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.
- Bảo đảm cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

*Xem thêm tại Thông tư 10/2023/TT-BXD có hiệu lực từ 05/12/2023.*

### **8. Chương hình hành động thực hiện định hướng phát triển giao thông đường sắt đến 2030, tầm nhìn đến 2045:**

Ngày 31/10/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 178/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 49-KL/TW về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có mục tiêu cụ thể như sau:

#### **(1) Đến năm 2025**

- Hoàn thành các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025), quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đường sắt, quy hoạch chung xây dựng đô thị để cụ thể hóa Kết luận số 49-KL/TW và quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Phân đầu hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Triển khai công tác lập đề xuất chủ trương đầu tư các tuyến đường sắt xây dựng mới, đường sắt đô thị có lộ trình đầu tư trước năm 2030.
- Tiếp tục triển khai, hoàn thành các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt quốc gia hiện có đã xác định nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 - 2025.

#### **(2) Đến năm 2030**

- Phân đầu khởi công dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam các đoạn ưu tiên Hà Nội - Vinh, Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang.

- Phân đầu khởi công một số tuyến đường sắt kết nối các cảng biển cửa ngõ quốc tế (Hà Nội - Hải Phòng, Biên Hòa - Vũng Tàu), cửa khẩu quốc tế (Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn, Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ), cảng hàng không quốc tế (Thủ Thiêm - Long Thành), tuyến đường sắt vành đai phía Đông khu đầu mối Hà Nội (Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Yên Viên - Bắc Hồng - Thạch Lỗi), tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; đầu tư hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân.

- Phân đầu xây dựng, đưa vào khai thác khoảng 50% tổng chiều dài đường sắt đô thị được quy hoạch tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ nghiên cứu huy động nguồn vốn đầu tư một số tuyến đường sắt đô thị tại các đô thị lớn có quy mô dân số trên 01 triệu dân.

- Triển khai cải tạo, nâng cấp, điện khí hóa một số đoạn tuyến, tuyến đường sắt quốc gia hiện có để bảo đảm an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả khai thác và thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26).

### (3) Đến năm 2045

- Hoàn thành đưa vào khai thác toàn tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

- Hoàn thành tuyến đường sắt khu đầu mối thành phố Hà Nội, khu đầu mối Thành phố Hồ Chí Minh; tuyến đường sắt kết nối với các đầu mối vận tải có lưu lượng lớn (cảng biển, khu công nghiệp, khu kinh tế), các tỉnh Tây Nguyên; tuyến đường sắt ven biển, đường sắt xuyên A.

- Hoàn chỉnh mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội (có tính kết nối với vùng Thủ đô) và Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2035; phân đầu hoàn thành một số tuyến đường sắt đô thị tại các đô thị có quy mô dân số trên 01 triệu dân.

- Phân đầu cơ bản hoàn thành cải tạo, nâng cấp, điện khí hóa các tuyến đường sắt hiện có, đáp ứng yêu cầu COP26.

*Xem chi tiết tại Nghị quyết 178/NQ-CP có hiệu lực từ ngày 31/10/2023.*

## **9. Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng trong kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng:**

Ngày 27/10/2023, Bộ Chính trị ban hành Quy định 131-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Xử lý hành vi lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, lạm quyền, tham nhũng, tiêu cực

- Kịp thời xem xét, thi hành kỷ luật nghiêm minh theo quy định của Đảng đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên có hành vi tham nhũng, tiêu cực, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Trường hợp vi phạm chưa đến mức phải xử lý kỷ luật thì phải tự kiểm điểm, có biện pháp khắc phục vi phạm, khuyết điểm và cam kết không tái phạm.

- Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức (kể cả người đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu) vi phạm nội dung nêu tại Điều 4 Quy định 131-QĐ/TW thì bị xử lý theo quy định hiện hành. Ngoài ra, cá nhân đang công tác còn bị áp dụng các biện pháp xử lý như sau:

+ Đình chỉ công tác, chức vụ, không bố trí làm công tác tham mưu, nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, thanh tra, kiểm toán.

+ Không quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phong, thăng cấp bậc hàm, giới thiệu bầu cử, ứng cử chức vụ tương đương và cao hơn,

công nhận chức danh, phong tặng danh hiệu, khen thưởng theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

+ Huy bỏ, thu hồi kết luận, quyết định ban hành không đúng về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và hoạt động thanh tra, kiểm toán (nếu vi phạm về thẩm quyền, đối tượng, nội dung, kiến nghị, đề nghị, quyết định về hình thức xử lý kỷ luật đảng, chính quyền, đoàn thể).

- Đối với vi phạm đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải kịp thời chuyển hồ sơ sang cơ quan chức năng để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật; nghiêm cấm giữ lại để xử lý hành chính hoặc nội bộ.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kịp thời giải quyết đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thông tin phản ánh, tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

Xử lý trách nhiệm đối với tổ chức khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực

#### (1) Đối với tổ chức

- Xử lý kỷ luật nghiêm minh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với cấp uỷ, tổ chức đảng vi phạm Quy định này.

- Cấp uỷ, tổ chức đảng bị kỷ luật phải xem xét trách nhiệm của người đứng đầu, thành viên cấp uỷ, tổ chức đảng, thành viên tập thể lãnh đạo có liên quan; kịp thời thay thế, bố trí công tác khác đối với trường hợp không còn đủ uy tín lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

#### (2) Đối với lãnh đạo cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

- Chịu trách nhiệm chính và bị xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng khi vi phạm Điều 4 Quy định 131-QĐ/TW, để xảy ra tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị mình.

- Được xem xét miễn, giảm trách nhiệm trong trường hợp sau đây:

+ Không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

+ Đã áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc kịp thời phát hiện, chủ động báo cáo và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực.

+ Chủ động xin thôi giữ chức vụ, từ chức trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Xem thêm tại Quy định 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023.*

### **10. Ban hành Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước:**

Ngày 31/10/2023, Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định 1348/QĐ-KTNN về Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước. Ban hành Quy chế sử dụng cộng tác viên Kiểm toán nhà nước:

- Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước quy định về việc Kiểm toán nhà nước sử dụng cộng tác viên thực hiện tư vấn, giám định chuyên môn, các công việc hỗ trợ trong hoạt động kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước; quy định phạm vi sử dụng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện đối với cộng tác viên; quy định về quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên liên quan đến sử dụng cộng tác viên.

- Đối tượng áp dụng:

Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước; cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Nguyên tắc thực hiện Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước

- Chỉ sử dụng cộng tác viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này. Việc sử dụng cộng tác viên được thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản.

- Việc sử dụng cộng tác viên là cá nhân hoặc tổ chức ngoài nước chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

+ Cộng tác viên trong nước không đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế sử dụng cộng tác viên Kiểm toán nhà nước;

+ Theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

+ Theo quy định của các thỏa thuận quốc tế mà Kiểm toán nhà nước ký kết hoặc tham gia.

- Khi thực hiện nhiệm vụ, cộng tác viên phải tuân thủ các quy định theo hợp đồng đã ký với Kiểm toán nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; không được giao cho người khác, tổ chức khác thực hiện thay công việc nếu không được sự đồng ý của Kiểm toán nhà nước. Trường hợp cộng tác viên là thành viên Đoàn kiểm toán, phải tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan của Kiểm toán nhà nước.

- Cộng tác viên phải bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và các quy định của Kiểm toán nhà nước về bảo mật thông tin.

- Cộng tác viên chịu trách nhiệm trước Kiểm toán nhà nước và pháp luật về tính đầy đủ, khách quan, trung thực, hợp pháp của số liệu, tài liệu, kết quả và kết luận đối với nội dung, công việc được thực hiện theo hợp đồng đã cung cấp cho Kiểm toán nhà nước. Kiểm toán nhà nước quyết định việc sử dụng số liệu, tài liệu kết quả và kết luận của cộng tác viên theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và Chuẩn mực Kiểm toán nhà nước.

*Xem chi tiết tại Quyết định 1348/QĐ-KTNN có hiệu lực từ ngày 31/10/2023.*

### **11. 27 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng:**

Ngày 20/10/2023, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 11/2023/TT-BXD hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng. Cụ thể, danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng bao gồm:

- (1) Chuyên viên cao cấp Quản lý quy hoạch xây dựng
- (2) Chuyên viên chính Quản lý quy hoạch xây dựng
- (3) Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng
- (4) Chuyên viên cao cấp Quản lý kiến trúc
- (5) Chuyên viên chính Quản lý kiến trúc
- (6) Chuyên viên Quản lý kiến trúc
- (7) Chuyên viên cao cấp Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng
- (8) Chuyên viên chính Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng
- (9) Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng
- (10) Chuyên viên cao cấp Quản lý phát triển đô thị
- (11) Chuyên viên chính Quản lý phát triển đô thị

- (12) Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị
- (13) Chuyên viên cao cấp Quản lý hạ tầng kỹ thuật
- (14) Chuyên viên chính Quản lý hạ tầng kỹ thuật
- (15) Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật
- (16) Chuyên viên cao cấp Quản lý nhà ở
- (17) Chuyên viên chính Quản lý nhà ở
- (18) Chuyên viên Quản lý nhà ở
- (19) Chuyên viên cao cấp Quản lý công sở
- (20) Chuyên viên chính Quản lý công sở
- (21) Chuyên viên Quản lý công sở
- (22) Chuyên viên cao cấp Quản lý thị trường bất động sản
- (23) Chuyên viên chính Quản lý thị trường bất động sản
- (24) Chuyên viên Quản lý thị trường bất động sản
- (25) Chuyên viên cao cấp Quản lý vật liệu xây dựng
- (26) Chuyên viên chính Quản lý vật liệu xây dựng
- (27) Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng

Nguyên tắc và căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng

Các vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng nêu trên được xác định dựa trên các nguyên tắc và căn cứ như sau:

- Nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định 62/2020/NĐ-CP.

+ Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức.

+ Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức.

+ Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức.

+ Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

+ Gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức.

- Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 62/2020/NĐ-CP:

+ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức;

+ Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

*Thông tư 11/2023/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2023.*

## **12. Thủ tướng phê duyệt 93 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:**

Đây là nội dung tại Quyết định 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 về phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, Thủ tướng phê duyệt 93 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đối với 10 loại khoáng sản cụ thể như sau:

- Than năng lượng: 02 khu vực.

- Quặng apatit: 02 khu vực.

- Quặng chì - kẽm: 01 khu vực.
- Quặng cromit: 03 khu vực.
- Quặng titan: 14 khu vực.
- Quặng bauxit: 23 khu vực.
- Quặng sắt-laterit: 14 khu vực.
- Đá hoa trắng: 17 khu vực.
- Cát trắng: 15 khu vực.
- Quặng đất hiếm: 02 khu vực

(Trước đây tại Quyết định 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014, Thủ tướng phê duyệt 48 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm 10 loại khoáng sản sau:

- Than năng lượng: 06 khu vực;
- Quặng apatit: 03 khu vực;
- Quặng chì - kẽm: 01 khu vực;
- Quặng cromit: 01 khu vực;
- Quặng titan: 23 khu vực;
- Quặng bauxit: 03 khu vực;
- Quặng sắt laterit: 04 khu vực;
- Đá hoa trắng: 04 khu vực;
- Cát trắng: 02 khu vực;
- Quặng đất hiếm: 01 khu vực.)

Lưu ý: Trong thời gian dự trữ của các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia nêu tại Điều 1 Quyết định 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023, việc quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thực hiện các dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải tuân thủ quy định của Nghị định 51/2021/NĐ-CP về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định sau:

- Các Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước ngày 01/11/2023 mà không thuộc khoáng sản dự trữ nêu tại Điều 1 Quyết định 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 thì tiếp tục thực hiện theo nội dung giấy phép đã cấp và quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Các khu vực có khoáng sản không thuộc loại khoáng sản dự trữ nêu tại Điều 1 Quyết định 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 đã được đưa vào quy hoạch khoáng sản liên quan mà chưa cấp phép thăm dò, khai thác hoặc chưa đưa vào quy hoạch khoáng sản có liên quan thì được quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản nhưng không được ảnh hưởng đến khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

*Xem thêm Quyết định 1277/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 01/11/2023 thay thế Quyết định 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014.*

### **13. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự:**

Ngày 31/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1275/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023-2025. Theo đó, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mã thủ tục hành chính: 2.001529) như sau:

- \* Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; số lượng hồ sơ từ 02 bộ xuống còn 01 bộ.

- Bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương”;

+ “Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật”.

Lý do: Cắt giảm số lượng, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết để cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

Các thông tin về “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương”, “văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật” được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các bộ, ngành chia sẻ, kết nối với Công Dịch vụ công Bộ Quốc phòng, Công Dịch vụ công quốc gia.

Sửa đổi mẫu Đơn đề nghị theo hướng bổ sung các trường thông tin về đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận đầu tư, văn bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn về bảo mật, an toàn thông tin của đội ngũ quản lý, điều hành, kỹ thuật.

\* Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 32 Luật An toàn thông tin mạng; Điều 5 Nghị định 58/2016/NĐ-CP quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

- Lộ trình thực hiện: 2023 - 2025.

*Quyết định 1275/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 31/10/2023.*

#### **14. Sửa đổi quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ VHTTDL:**

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư 13/2023/TT-BVHTTDL về sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Theo đó, một số quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ VHTTDL được sửa đổi, bổ sung bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung Đơn đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư 07/2004/TT-BVHTT.

- Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia ban hành kèm theo Thông tư 13/2010/TT-BVHTTDL.

- Sửa đổi, bổ sung một số mẫu tại Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL sau:

+ Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng – rôn;

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;

+ Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam;

+ Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài;

- Sửa đổi, bổ sung một số mẫu tại Thông tư 16/2014/TT-BVHTTDL sau:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao;

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao;

+ Giấy chứng nhận đào tạo chuyên môn (cấp cho Cộng tác viên thể dục thể thao).

- Sửa đổi, bổ sung mẫu Giấy Chứng nhận tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện ban hành kèm theo Thông tư 07/2021/TT-BVHTTDL.

- Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình/ mỹ thuật ứng dụng/tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL.

- Sửa đổi, bổ sung một số mẫu tại Thông tư 22/2018/TT-BVHTTDL sau:

+ Đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm;

+ Đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu;

- Sửa đổi, bổ sung một số mẫu tại Thông tư 01/2020/TT-BVHTTDL sau:

+ Thông báo thành lập thư viện (Dành cho Thư viện cộng đồng/Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng);

+ Thông báo thành lập thư viện (Dành cho Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam);

+ Thông báo thành lập thư viện (Dành cho Thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục);

+ Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện.

*Xem chi tiết tại Thông tư 13/2023/TT-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 15/01/2024.*

### **15. Tiêu chí đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích:**

Ngày 26/10/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Theo đó, tiêu chí đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích bao gồm:

- Về cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học gồm: 17 tiêu chí đánh giá chia thành 7 nội dung (Địa điểm, quy mô, khối phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật; Phòng học; Hiên chơi, lan can, cầu thang; Nhà bếp, nhà ăn, căng tin (nếu có); Nhà vệ sinh; Nước sạch, cảnh quan, vệ sinh môi trường; Thiết bị, tài liệu, học liệu dạy học), trong đó 8 tiêu chí bắt buộc.

- Về an ninh, trật tự trường học, phòng, chống bạo lực học đường, tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ người học trên môi trường mạng gồm: 7 tiêu chí đánh giá trong đó 3 tiêu chí bắt buộc.

- Về phòng, chống đuối nước, tai nạn giao thông và các loại hình tai nạn thương tích khác: 10 tiêu chí đánh giá trong đó 4 tiêu chí bắt buộc.

- Về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người học gồm: 8 tiêu chí đánh giá chia thành 2 nội dung (Y tế trường học; An toàn thực phẩm, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia) trong đó 5 tiêu chí bắt buộc.

- Về thực hiện quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ trong nhà trường; giáo dục sức khỏe tâm thần và tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho người học: có 4 tiêu chí đánh giá nhưng không có tiêu chí bắt buộc.

- Về công tác quản lý gồm: 7 tiêu chí đánh giá trong đó 3 tiêu chí bắt buộc.  
 Kết quả đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích theo 02 mức:

- Mức “Đạt”: Có tối thiểu 80% tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”, trong đó 100% tiêu chí bắt buộc phải được đánh giá ở mức “Đạt”.

- Mức “Chưa đạt”: Không đáp ứng quy định theo mức "Đạt".

*Xem thêm tại Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 12/12/2023.*

### **16. Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường từ ngày 15/12/2023:**

Ngày 31/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 65/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường. Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 65/2023/TT-BTC, đơn cử một số mức thu phí như sau:

- Hồ sơ, tài liệu: quản lý chất lượng môi trường; quản lý chất thải và cải thiện môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; truyền thông môi trường; quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển: 800.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo kết quả quan trắc môi trường (theo đợt/năm): không khí xung quanh: nước mặt (sông, hồ); nước biển ven bờ; nước mưa; nước dưới đất; trầm tích (sông, nước biển); môi trường đất: 800.000 đồng/báo cáo.

- Dữ liệu kết quả quan trắc môi trường nước mặt tự động, cố định, liên tục: 28.000 đồng/thông số.

Kê khai, nộp phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường

- Người nộp phí thực hiện nộp phí khi nhận thông báo nghĩa vụ tài chính từ cơ quan có thẩm quyền cung cấp dữ liệu về môi trường; phí nộp cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư 74/2022/TT-BTC quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

- Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư 74/2022/TT-BTC.

Quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường

- Tổ chức thu phí được trích lại 70% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, nộp 30% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, Tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

- Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

*Xem chi tiết tại Thông tư 65/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15/12/2023.*

### **17. Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế GTGT:**

Ngày 01/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 179/NQ-CP về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng. Theo đó, trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ quyết nghị thông qua đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng như đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình 228/BTC- CST.

Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến các thành viên Chính phủ trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự án Nghị quyết của Quốc hội theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về các nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất.

Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ để báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước 20 giờ ngày 01/11/2023 về việc bổ sung dự án Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và cho phép xây dựng dự thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội thông qua theo quy trình một kỳ họp Quốc hội (kỳ họp thứ 6).

Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan cho Bộ Tư pháp theo quy định, bảo đảm tiến độ báo cáo các cơ quan của Quốc hội theo yêu cầu.

Nghị quyết 179/NQ-CP có hiệu lực ngày 01/11/2023.

Đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế GTGT trong 6 tháng đầu năm 2024

Theo Công văn 11239/BTC-CST ngày 13/10/2023 thì việc thực hiện giảm thuế GTGT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% đã được thực hiện ổn định trong năm 2022 và năm 2023.

Do vậy, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiếp tục giảm thuế GTGT như nội dung đã được quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 và Nghị quyết 101/2023/QH15, cụ thể:

- Giảm 2% thuế suất thuế GTGT, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản xuất kim loại và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, ngành khai khoáng (không kể khai thác than), sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.

### **18. Hướng dẫn thực hiện Nghị định 75/2023 về bảo hiểm y tế:**

Ngày 24/10/2023, BHXH Việt Nam ban hành Công văn 3452/BHXH-CSYT về việc triển khai thực hiện Nghị định 75/2023/NĐ-CP. Theo đó, để kịp thời triển khai thực hiện Nghị định 75/2023/NĐ-CP, BHXH Việt Nam đề nghị BHXH các tỉnh thực hiện một số nội dung như sau:

(1) Cấp thẻ, đổi thẻ BHYT theo quy định tại Nghị định 75/2023/NĐ-CP:

- Chuyển đổi mã mức hưởng BHYT theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 75/2023/NĐ-CP, cụ thể:

+ Đổi mức hưởng BHYT từ mã 4 sang mã 2 đối với Người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc (có mã đối tượng KC) quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP.

+ Đổi mức hưởng BHYT từ mã 4 sang mã 3 đối với Người phục vụ người có công với cách mạng sống ở gia đình (có mã đối tượng PV) quy định tại khoản 19 Điều 3 Nghị định 146/2018/NĐ-CP.

- Bổ sung mã đối tượng và mã mức hưởng BHYT ghi trên thẻ BHYT đối với người tham gia BHYT mới được quy định tại Nghị định 75/2023/NĐ-CP và Nghị định 131/2021/NĐ-CP:

Trong thời gian chờ sửa đổi, bổ sung Quyết định 1351/QĐ-BHXH ngày 16/11/2015 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quy định về mã số ghi trên thẻ BHYT, BHXH các tỉnh phối hợp với đơn vị quản lý đối tượng rà soát, lập danh sách và cấp thẻ BHYT của các đối tượng được bổ sung tại Nghị định 75/2023/NĐ-CP, như sau:

+ Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng: mã đối tượng ký hiệu là TG và mã mức hưởng ký hiệu bằng số 3; mã khối quản lý là WG, mã khối thống kê là 37.

+ Người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hiện đang thường trú tại các xã an toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã được cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú: mã đối tượng ký hiệu là AK và mã mức hưởng ký hiệu bằng số 2; mã khối quản lý là WK, mã khối thống kê là 61.

+ Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: mã đối tượng ký hiệu là DS và mã mức hưởng ký hiệu bằng số 3; mã khối quản lý là WS, mã khối thống kê là 62.

- Trường hợp người tham gia BHYT đồng thời thuộc nhiều đối tượng khác nhau, BHXH các tỉnh rà soát, đối chiếu dữ liệu đang quản lý với các trường hợp có tên trong hồ sơ đổi mức hưởng và danh sách đối tượng đổi thẻ mới, nếu thẻ BHYT cũ cấp theo đối tượng khác có mức hưởng thấp hơn so với quy định mới, thì theo mức hưởng cao nhất.

(2) Thủ tục KCB BHYT thực hiện theo quy định sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 75/2023/NĐ-CP:

Người tham gia BHYT khi KCB phải xuất trình thẻ BHYT có ảnh hoặc căn cước công dân; trường hợp xuất trình thẻ BHYT chưa có ảnh thì phải xuất trình thêm một trong các giấy tờ tùy thân có ảnh do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc giấy xác nhận của công an cấp xã hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ sở giáo dục nơi quản lý học sinh, sinh viên; các giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp khác hoặc giấy tờ được định danh điện tử mức độ 2 theo quy định tại Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử.

(3) Thanh toán chi phí KCB BHYT trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định 75/2023/NĐ-CP:

Người tham gia bảo hiểm y tế vào cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị trước ngày 03/12/2023 nhưng ra viện từ ngày 03/12/2023 thì được quỹ bảo hiểm y

tế thanh toán trong phạm vi được hưởng và mức hưởng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, g và h khoản 1, các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 14 Nghị định 146/2018/NĐ-CP và quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 75/2023/NĐ-CP.

*Xem thêm Công văn 3452/BHXH-CSYT ban hành ngày 24/10/2023.*

### **19. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh:**

Ngày 01/11/2023, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư 10/2023/TT-BKHĐT quy định Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh.

Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh là cơ sở giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cả nước.

Cụ thể, Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh sẽ bao gồm 04 mục tiêu chính:

- Mục tiêu 1: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP
- Mục tiêu 2: Xanh hóa các ngành kinh tế, bao gồm các lĩnh vực: năng lượng; giao thông vận tải; nông nghiệp; thương mại – dịch vụ; công nghệ; vốn đầu tư, trái phiếu, tín dụng; tài nguyên rừng; tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước.
- Mục tiêu 3: Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững (môi trường, xã hội; đô thị; Chính phủ)
- Mục tiêu 4: Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

(Xem chi tiết nội dung tại Phụ lục 1 – Danh mục chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh ban hành kèm theo Thông tư 10/2023/TT-BKHĐT ngày 01/11/2023)

Bộ chỉ tiêu này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin thống kê, sản xuất thông tin thống kê và sử dụng thông tin thống kê về tăng trưởng xanh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Thu thập, tổng hợp thông tin thống kê thuộc Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh được phân công, bảo đảm cung cấp số liệu thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời và đáp ứng yêu cầu giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.
- Xây dựng và hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin của các chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê cho các chỉ tiêu tăng trưởng xanh.
- Phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát danh mục và nội dung chỉ tiêu thống kê tăng trưởng xanh theo quy định tại Thông tư 10/2023/TT-BKHĐT để kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

*Xem thêm tại Thông tư 10/2023/TT-BKHĐT có hiệu lực từ ngày 15/12/2023.*

### **20. Phê duyệt Đề án Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến 2025 và thời kỳ 2026-2030:**

Ngày 27/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1261/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030. Theo đó, một trong những mục tiêu của Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến 2025 và thời kỳ 2026-2030” là công nghệ thông tin và chuyển đổi số khí tượng thủy văn:

- Phát triển công nghệ thông tin khí tượng thủy văn bao gồm: hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số; đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, thông suốt của hạ tầng

kỹ thuật công nghệ thông tin; an toàn thông tin đạt tối thiểu cấp độ 03; cung cấp dịch vụ công lĩnh vực khí tượng thủy văn đạt mức độ 04.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia tập trung, liên thông với các cơ sở dữ liệu chung của quốc gia; số liệu quan trắc tại các trạm thuộc hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia được thu nhận sát theo thời gian thực và kiểm soát, lưu trữ theo đúng quy định; 100% số liệu quan trắc tại các công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn và tối thiểu 75% số liệu quan trắc tại trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng được thu nhận, tích hợp vào cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

- Hoàn thành chuyển đổi số lĩnh vực khí tượng thủy văn đạt 100% theo chỉ tiêu chuyển đổi số của ngành tài nguyên và môi trường; cập nhật, số hóa 100% tư liệu giấy khí tượng thủy văn; tăng cường năng lực tính toán chuyên ngành khí tượng thủy văn của hệ thống đạt tối thiểu gấp 05 lần so với năm 2020.

- Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động; vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia.

*Xem chi tiết tại Quyết định 1261/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày ký.*

## **21. Công bố 03 thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực đường sắt thuộc quản lý của Bộ GTVT:**

Ngày 02/10/2023, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định 1241/QĐ-BGTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT. Theo đó, công bố kèm theo Quyết định 1241/QĐ-BGTVT 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải sau đây:

- Cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác.
- Cấp giấy phép lái tàu cho các lái tàu đầu tiên trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam.
- Cấp lại Giấy phép lái tàu.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác

Trong đó, đối với thủ tục cấp giấy phép lái tàu cho lái tàu trên các tuyến đường sắt đang khai thác thì hồ sơ thực hiện như sau:

\* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử văn bản đề nghị tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái tàu của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt theo mẫu;
- Bản gốc hoặc bản điện tử đơn đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái tàu theo mẫu;
- Bản gốc hoặc bản điện tử hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khỏe lái tàu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực bằng hoặc chứng chỉ chuyên ngành lái phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với loại phương tiện dự sát hạch;
- 03 ảnh màu cỡ 3x4cm ảnh chụp hoặc ảnh điện tử chụp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

\* Nơi nộp hồ sơ:

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ về cơ quan cấp giấy phép lái tàu, cụ thể:

- Cục Đường sắt Việt Nam đối với đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng (trừ trường hợp đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng trên địa bàn các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Thái Nguyên).

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Thái Nguyên đối với đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị trên địa bàn. Trước ngày 01/01/2025, nếu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nêu trên chưa thực hiện được nội dung này thì hướng dẫn Chủ sở hữu phương tiện gửi 01 bộ hồ sơ làm thủ tục đến Cục Đường sắt Việt Nam.

\* Cách thức nộp hồ sơ:

Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ qua các cách thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp;
- Qua hệ thống bưu chính;
- Gửi trên môi trường mạng;
- Hình thức khác.

*Quyết định 1241/QĐ-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 02/10/2023.*

## **22. Hệ thống cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường:**

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 15/2023/TT-BTNMT quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường. Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.

Theo đó, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia là cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường được tổng hợp, liên kết, tích hợp từ các cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn quốc, phục vụ mục đích kết nối, cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định.

- Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường lĩnh vực là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc theo lĩnh vực chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cấp tỉnh là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bộ, ngành là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành và do các bộ, ngành xây dựng, quản lý.

- Cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế là tập hợp thông tin, dữ liệu quan trắc về tài nguyên và môi trường do các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế xây dựng, quản lý.

- Cơ sở dữ liệu mở quan trắc tài nguyên và môi trường.

*Xem thêm Thông tư 15/2023/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 15/12/2023.*

## **23. Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang theo Hiệp định CPTPP:**

Ngày 02/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 77/2023/NĐ-CP về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ

xuân Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP). Theo đó, ban hành Danh mục hàng hóa tân trang theo Hiệp định CPTPP tại các Phụ lục của Nghị định 77/2023/NĐ-CP như sau:

- Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Phụ lục I.

- Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế tại Phụ lục II.

- Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III.

- Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại Phụ lục IV.

- Ban hành Danh mục hàng hóa tân trang thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Phụ lục V.

- Việc áp dụng cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại các Phụ lục I, II, III, IV, V thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều kiện đối với hàng hóa tân trang nhập khẩu theo Hiệp định CPTPP

- Hàng hóa tân trang nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có Giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 77/2023/NĐ-CP.

- + Đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định CPTPP.

- + Đáp ứng các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và pháp luật chuyên ngành đang được áp dụng cho hàng nhập khẩu mới cùng chủng loại, trong đó, tùy trường hợp cụ thể, có các quy định về: nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hiệu suất năng lượng, an toàn bức xạ, an toàn thông tin mạng, đo lường, bảo vệ môi trường, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các quy định khác.

- Khi đưa ra lưu thông trên thị trường, trên nhãn gốc hoặc nhãn phụ của hàng hóa tân trang phải thể hiện bằng tiếng Việt cụm từ "Hàng hóa tân trang" ở vị trí và với kích cỡ có thể nhìn thấy và đọc được bằng mắt thường.

*Nghị định 77/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.*

**24. Ban hành quy định kỹ thuật quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng từ ngày 01/12/2023:**

Ngày 16/10/2023, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư 13/2023/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn tối thiểu đối với từng loại công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn cụ thể như sau:

- Sân bay dân dụng quan trắc theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- Đập, hồ chứa loại quan trọng đặc biệt, loại lớn, loại vừa quan trắc theo quy định của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa; đập, hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa quan trắc theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa;

- Bến cảng quan trắc hướng và tốc độ gió, mực nước biển, sóng, tầm nhìn xa phía biển, tần suất 04 lần/ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;

- Cầu có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên quan trắc hướng và tốc độ gió, tần suất 04 lần/ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác tham quan, kinh doanh phục vụ khách trên tháp quan trắc hướng và tốc độ gió, tần suất 03 lần/ngày vào 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Cáp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch quan trắc hướng và tốc độ gió, tần suất từng giờ trong thời gian vận hành;
- Vườn quốc gia quan trắc lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió, tần suất 04 lần/ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Tuyến đường cao tốc quan trắc theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc;
- Cảng thủy nội địa tổng hợp loại I trở lên quan trắc tầm nhìn xa, mực nước, hướng và tốc độ gió, tần suất 04 lần/ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Công trình mang tính chất đ c thù gồm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, nhà giàn thuộc các cụm Dịch vụ Kinh tế - Kỹ thuật (DK1) và sân bay quân sự phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh quan trắc theo quy định của Bộ Quốc phòng.

*Xem chi tiết tại Thông tư 13/2023/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 01/12/2023 và thay thế Thông tư 30/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018.*

## **25. Sửa đổi hình thức huấn luyện, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động:**

Ngày 31/10/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư 18/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Theo Thông tư 18/2023/TT-BCT thì hình thức huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định như sau:

- Sát hạch sau huấn luyện, áp dụng đối với: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên lần đầu, kiểm định viên bị thu hồi chứng chỉ, kiểm định viên có chứng chỉ đã hết hạn.

- Sát hạch sau bồi dưỡng áp dụng đối với kiểm định viên đã được cấp chứng chỉ ít nhất một lần trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm được cấp chứng chỉ.

Hiện nay, theo Thông tư 09/2017/TT-BCT thì hình thức huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định như sau:

- Huấn luyện, sát hạch lần đầu áp dụng đối với cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định viên quy định tại Điều 7 Thông tư 09/2017/TT-BCT.

- Huấn luyện, sát hạch lại áp dụng đối với Kiểm định viên có chứng chỉ đã hết hạn hoặc Kiểm định viên bị thu hồi chứng chỉ.

- Bồi dưỡng áp dụng đối với kiểm định viên đã được cấp chứng chỉ sau 30 tháng kể từ thời điểm cấp chứng chỉ.

Sửa đổi đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nhóm B

Theo đó, đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nhóm B bao gồm:

- Đối tượng kiểm định nhóm B1 (nhóm B1) là nồi hơi công nghiệp có áp suất trên 16 bar;

- Đối tượng kiểm định nhóm B2 (nhóm B2) là bình chịu áp lực, hệ thống đường ống dẫn hơi và nước nóng.

Hiện nay, theo Thông tư 09/2017/TT-BCT thì đối tượng kiểm định nhóm B (nhóm B) là nồi hơi công nghiệp có áp suất trên 16 bar, bình chịu áp lực, hệ thống đường ống dẫn hơi và nước nóng.

*Thông tư 18/2023/TT-BCT có hiệu lực kể từ ngày 20/12/2023.*

## **26. Kế hoạch xây dựng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của người làm công tác di sản văn hóa:**

Ngày 02/11/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định 3245/QĐ-BVHTTDL về xây dựng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của người làm công tác di sản văn hóa. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Cục Di sản văn hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của người làm công tác di sản văn hóa.

Kế hoạch xây dựng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của người làm công tác di sản văn hóa có một số nội dung chính như sau:

- Căn cứ thực hiện:

+ Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

+ Căn cứ Quyết định 3117/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (giai đoạn 2023-2025);

- Tên nhiệm vụ: Xây dựng Quy tắc ứng xử của người làm công tác di sản văn hóa

- Mục đích:

+ Xác định các chuẩn mực trong hành vi ứng xử, nhằm thống nhất nhận thức, hành động của người làm công tác di sản văn hóa, ngăn ngừa hiệu quả các hành vi tiêu cực, làm biến dạng, sai lệch và có nguy cơ mai một, biến mất di sản trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

+ Góp phần khẳng định vai trò, trách nhiệm của người làm công tác di sản trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Yêu cầu:

+ Đảm bảo tính khách quan, chuẩn mực đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phù hợp với đặc trưng văn hóa vùng miền của địa phương và điều kiện thực tiễn của từng khu vực.

+ Đảm bảo chất lượng, đúng kế hoạch, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*Xem chi tiết tại Quyết định 3245/QĐ-BVHTTDL ngày 02/11/2023.*

## **III. Bãi bỏ một số Nghị quyết về phòng, chống dịch COVID-19 của Chính phủ**

**1. Ngày 28/10/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 174/NQ-CP về bãi bỏ một số Nghị quyết phòng, chống dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành.**

**Bãi bỏ một số Nghị quyết về phòng, chống dịch COVID-19 của Chính phủ. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ và bãi bỏ một phần một số Nghị quyết do Chính phủ ban hành sau đây:**

\* Bãi bỏ toàn bộ 09 Nghị quyết:

- Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 78/NQ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ chuyên đề về phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 79/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 86/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV.

- Nghị quyết 106/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19".

- Nghị quyết 145/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số chế độ chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19.

- Nghị quyết 38/NQ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19.

\* Bãi bỏ một phần 04 Nghị quyết sau:

- Điểm 6 Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2020.

- Mục 1 Nghị quyết 48/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2021.

- Mục 1 Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021.

- Điểm 2, Mục II Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19.

*Nghị quyết 174/NQ-CP có hiệu lực từ ngày 28/10/2023.*

## **2. Bãi bỏ 20 Quyết định phòng, chống dịch COVID-19 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19:**

Ngày 29/10/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1269/QĐ-TTg bãi bỏ văn bản phòng, chống dịch COVID-19 do Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 và Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, bãi bỏ 20 Quyết định phòng, chống dịch COVID-19 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, đơn cử như:

- Quyết định 42/QĐ-BCĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống, dịch COVID-19 về việc ban hành Kế hoạch đáp ứng với từng cấp độ dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra.

- Quyết định 478/QĐ-BCĐQG ngày 20 tháng 2 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc kiện toàn các Đội cơ động phản ứng nhanh chống dịch viêm đường hô hấp cấp do vi rút Corona 2019.

- Quyết định 929/QĐ-BCĐQG ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 phê duyệt danh sách thành viên của các Tiểu ban chống dịch thuộc Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19.

- Quyết định 1329/QĐ-BCĐQG ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc thành lập Tổ thông tin đáp ứng nhanh phòng, chống dịch COVID-19.

- Quyết định 100/QĐ-BCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống, dịch COVID-19 về việc phê duyệt Kế hoạch điều chỉnh đáp ứng với từng cấp độ dịch COVID-19.

- Quyết định 2194/QĐ-BCĐQG ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc ban hành “Hướng dẫn phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19 tại nơi làm việc và ký túc xá cho người lao động”.

- Quyết định 2203/QĐ-BCĐQG ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc ban hành “Hướng dẫn phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19 tại hộ gia đình”.

- Quyết định 2225/QĐ-BCĐQG ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc ban hành "Hướng dẫn phòng, chống và đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch COVID-19 tại trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, nhà hàng”.

*Xem chi tiết tại Quyết định 1269/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 29/10/2023.*

### **3. Bãi bỏ toàn bộ 63 Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19:**

Ngày 29/10/2023, Bộ Y tế ban hành Quyết định 3983/QĐ-BYT bãi bỏ một số văn bản phòng, chống dịch COVID-19 do Bộ Y tế ban hành. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 63 Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19, đơn cử như:

1. Quyết định 156/QĐ-BYT ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch đáp ứng với bệnh viêm phổi cấp do chủng mới của vi rút Corona.

2. Quyết định 219/QĐ-BYT ngày 29/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bổ sung bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) gây ra vào danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

3. Quyết định 870/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn kỹ thuật tạm thời cho khẩu trang vải kháng giọt bắn, kháng khuẩn.

4. Quyết định 878/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch COVID-19”.

5. Quyết định 879/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn cách ly y tế tại nhà, nơi lưu trú phòng chống dịch COVID-19”.

6. Quyết định 886/QĐ-BYT ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí và quy trình mua sắm trang thiết bị để phòng, chống dịch COVID-19.

7. Quyết định 928/QĐ-BYT ngày 17/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Tổ giúp việc Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19.

8. Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 20/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Hướng dẫn tạm thời cách ly y tế tập trung tại khách sạn trong phòng, chống dịch COVID-19 do người được cách ly tự nguyện chi trả”.

9. Quyết định 1282/QĐ-BYT ngày 21/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời xét nghiệm COVID-19”.

10. Quyết định 1444/QĐ-BYT ngày 29/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tạm thời về lựa chọn và sử dụng khẩu trang trong phòng chống dịch COVID-19.

Ngoài ra, tại Quyết định 3983/QĐ-BYT năm 2023 còn bãi bỏ toàn bộ 92 Công văn và 05 Công điện của Bộ Y tế.

*Xem chi tiết nội dung tại Quyết định 3983/QĐ-BYT có hiệu lực từ ngày 29/10/2023.*

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Cổng Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hung)

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Hoàng Văn Phiên**